

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022/HS - ST**
Ngày 18 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Bốn và ông Hoàng Văn Thiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 07/TB-TA ngày 17/6/2022 đối với bị cáo:

Phạm Đức N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 13/02/1991, tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn 2, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Xuân M, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959.

Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1991. Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 65/2019/HSST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt ngày 29/4/2020.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18 ngày 07/01/2019 của Trưởng Công an phường Q, thành phố T xử phạt 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 09/6/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi tố về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/3/2022 đến ngày 09/6/2022.

Hiện đang bị tạm giam từ ngày 09/6/2022 trong vụ án khác (theo Lệnh tạm giam số 16 ngày 09/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Phú Thọ), *có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:* Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1965, *vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)*; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/3/2022, Phạm Đức N, sinh năm 1991, trú tại thôn 2, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô DREAM biển số 22B1-265.53 của bà Nguyễn Thị V (mẹ của N) đi từ nhà đến nhà của Trương Anh Đ, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang để rủ Đ đi mua cây khế chua về bán, Đ đồng ý. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe đi qua trước cổng nhà bà Đoàn Thị K, sinh năm 1965, thuộc thôn L, xã T, huyện H thì thấy 01 xe mô tô biển số 22Y1-125.46 của bà K dừng chân chống phụ cạnh cổng nhà có chìa khóa điện ở ổ khóa, Đ điều khiển xe đi qua vị trí xe mô tô 22Y1-125.46 khoảng 30m quan sát không thấy có người xung quanh thì dừng lại nói với N “*xe để chìa khóa ở đây, quay lại để anh lấy đi*”, N hiểu ý quay lại để trộm cắp xe mô tô, N nói với Đ “*Thôi*”, Đ đáp lại “*không sợ đâu, quay lại để anh đi*”. Thấy Đ nói vậy, N đồng ý và đổi lái chở Đ quay lại vị trí xe mô tô 22Y1-125.46 để trộm cắp. Khi đến gần, Đ xuống xe rồi ngồi lên xe mô tô 22Y1-125.46 khởi động chìa khóa điện, nổ máy xe sau đó điều khiển xe vừa trộm cắp cùng N điều khiển xe mô tô 22B1-265.53 đi hướng ra Quốc lộ 2, sau đó điều khiển xe mô tô hướng đi xã C, huyện Y. Khi cách bên đò xã C, huyện Y khoảng 02km thì Đ dừng xe lại mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có giấy tờ xe, Đ đóng cốp xe lại sau đó điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ H thuộc phường H, thành phố T cầm cố lấy số tiền 5.000.000đ nhưng cửa hàng trừ 500.000đ tiền lãi, Đ nhận 4.500.000đ. N điều khiển xe đi phía sau và dừng xe đứng đợi Đ vào cầm cố xe mô tô sau đó chở Đ về nhà. Khi về đến nhà, Đ chia cho N số tiền 2.000.000đ, nhận tiền xong N đi về.

Khi về đến nhà, N thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật và thấy hối hận về hành vi nên khoảng 22 giờ cùng ngày, Ngọc gọi điện thoại bảo Đ đi chuộc xe về để trả cho chủ xe. Đ đồng ý, N điều khiển xe mô tô đến đón Đ rồi cùng đến cửa hàng cầm đồ H nhưng quán đã đóng cửa, Đ và N cùng nhau cầm giấy tờ xe đi lên nhà bà Đoàn Thị K để trả và hẹn sáng 14/3/2022 sẽ mang xe đến trả cho bà K. Sáng ngày 14/3/2022 N và Đ đã chuộc lại xe mô tô 22Y1-125.46 đến trả cho bà K như đã hứa và đến Công an xã T, huyện H đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 17/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Xe mô tô biển số 22Y1-125.46 tại thời điểm ngày 13/3/2022 trị giá 6.702.500 đồng (*sáu triệu bảy trăm linh hai nghìn năm trăm đồng*).

Cáo trạng số 40/CT-VKSHY ngày 03/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên đã truy tố Phạm Đức N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo tội danh, điều luật và đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Đức N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 (mười) tháng đến 01 (một) năm tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đức N khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại cùng toàn bộ những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 13/3/2022, tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Phạm Đức N sinh năm 1991, trú tại thôn 2, xã La, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và Trương Anh Đ sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 22Y1-125.46 của bà Đoàn Thị K, sinh năm 1965, trú tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang trị giá 6.702.500 đồng (*sáu triệu bảy trăm linh hai nghìn năm trăm đồng*). Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Phạm Đức N về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì mục đích vụ lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời

gian, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này bị cáo trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 6.702.500 đồng, nhưng xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân xấu, trước đó Phạm Đức N bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65 ngày 20/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, chưa được xóa án tích nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp là tái phạm; trong thời gian chờ xét xử bị cáo tiếp tục phạm tội mới, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo bởi lẽ trong trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện trả lại tài sản trộm cắp cho người bị hại, chủ động ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng cho bị cáo.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có thu nhập, không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà Đoàn Thị K đã nhận lại tài sản trộm cắp và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] *Về vật chứng:* Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 22Y1-125.46 và các giấy tờ mang tên Đoàn Thị K. Ngày 25/3/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Đoàn Thị K là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với Trương Anh Đ, trong giai đoạn điều tra đã chết tại nhà riêng. Ngày 15/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định đình chỉ điều tra nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Thế A là chủ cửa hàng cầm đồ cầm cố xe mô tô biển số 22Y1-125.46. Quá trình điều tra không biết tài sản là do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Đối với bà Nguyễn Thị V không biết Phạm Đức N sử dụng xe mô tô biển số 22B1-265.53 để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức N 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- CQĐT Công an huyện Hàm Yên;
- CQTHAHS Công an huyện Hàm Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Cao Tiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Bốn - Hoàng Văn Thiết

Hoàng Cao Tiến

